

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lý Thị Luân

Thư ký phiên họp: Ông Ma Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên họp: Bà Triệu Kim Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn mở phiên họp sơ thẩm, công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2022/TLST-VDS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2023/QĐST-VDS, ngày 21 tháng 3 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Nông Văn T, sinh năm 1963; Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Nông Thị T1, sinh năm 1986; Nơi cư trú cuối cùng: Thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Tại đơn yêu cầu ngày 06-7-2022, tại biên bản lấy lời khai ngày 26-10-2022 người yêu cầu là ông Nông Văn T trình bày:

Con trai ông là Nông Văn C đăng ký kết hôn với chị Nông Thị T1 vào năm 2006, sau khi kết hôn năm 2009 sinh được 01 con chung là Nông Thị Cẩm L. Đến năm 2016 thì con trai ông là Nông Văn C bị đuối nước chết, đến cuối tháng 8 /2017 thì con dâu là chị Nông Thị T1 bỏ nhà đi từ đó không có tin tức gì. Ông đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có kết quả, không ai biết chị T1 đã đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân N tuyên bố chị Nông Thị T1 là người mất tích. Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc quản lý tài sản của chị T1.

2. Tại các biên bản xác minh:

- Tại biên bản xác minh ngày 16-11-2022 Công an xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn cung cấp: Chị Nông Thị T1 là con gái của ông Nông Văn Ch và bà Nguyễn Thị L1 (đã chết); trú tại thôn P, xã V, huyện N, tỉnh Bắc Kạn qua kiểm tra sổ đăng ký thường trú, tạm trú thì hiện nay chị T1 không có đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú tại địa bàn xã V. Qua thăm nắm thông tin thì chị T1 lấy chồng và về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn từ năm 2006, hiện nay chị T1 không có mặt tại địa bàn xã V và Công an xã cũng không nắm được thông tin chị T1 đang làm gì và ở đâu.

- Tại biên bản xác minh ngày 23-11-2022 ông Nông Văn Ch là bố đẻ của chị Nông Thị T1 cung cấp: Năm 2008 con gái là Chị Nông Thị T1 kết hôn với anh Nông Văn C, sau khi kết hôn chị T1 về sinh sống cùng gia đình anh C và chuyển nơi đăng ký hộ khẩu thường trú về nhà anh C ở thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2016 anh C chết và trong năm 2016 chị T1 bỏ nhà đi từ đó cho đến nay, chị T1 không liên lạc gì với gia đình nên ông Chên không biết chị T1 hiện nay làm gì ở đâu và cũng chưa nghe thấy thông tin liên quan đến việc chị T1 đã chết.

- Tại biên bản xác minh ngày 24-11-2022 Công an xã K, huyện N nơi chị Nông Thị T1 cư trú cuối cùng cung cấp: Chị Nông Thị T1, sinh năm 1986 có hộ khẩu thường trú thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Năm 2016 chị T1 bỏ nhà đi không báo cáo với chính quyền địa phương, từ ngày chị T1 bỏ đi khỏi địa phương thì chị T1 chưa về lần nào. Qua kiểm tra thông tin đăng ký tạm trú trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì chị T1 không có đăng ký tạm trú ở địa phương nào. Công an xã không nắm được thông tin hiện nay chị T1 đang làm gì, ở đâu và Công an xã cũng chưa có thông tin nào về việc chị T1 đã chết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân N, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ việc: Đề nghị Tòa án nhân dân huyện N căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 và các Điều 361, 387, 388, 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68 của Bộ luật Dân sự; chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn T, tuyên bố chị Nông Thị T1 mất tích. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nông Văn T người yêu cầu Tòa án giải quyết

việc dân sự có đơn đề nghị miễn nộp tiền lệ phí tòa án và thuộc hộ nghèo năm 2023 nên được miễn tiền lệ phí Tòa án .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Yêu cầu về việc “Tuyên bố một người mất tích” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bị yêu cầu tuyên bố mất tích cư trú tại xã K nên căn cứ khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào lời trình bày của ông T và các tài liệu có trong hồ sơ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nông Thị T1 và ông anh Nông Văn C là hợp pháp. Theo lời trình bày của ông T sau khi anh C là con ruột của ông T chết chị Nông Thị T1 đã bỏ nhà đi không trở về và từ năm 2016 cho đến nay không có tin tức gì. Mặc dù ông và gia đình đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức xác thực về việc chị T1 còn sống hay đã chết. Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, Công an địa phương nơi cư trú của chị cũng cung cấp từ năm 2016 chị T1 bỏ đi khỏi địa phương không có tin tức gì, không thông báo với chính quyền địa phương. Như vậy căn cứ vào Khoản 1 Điều 68 của Bộ luật Dân sự có cơ sở xác định chị Nông Thị T1 biệt tích 02 năm liền trở lên không có tin tức xác thực về việc chị T1 còn sống hay đã chết.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu, Tòa án nhân dân huyện N đã ra Quyết định thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích đối với chị Nông Thị T1. Báo Công lý đã nhấn tin tìm kiếm chị Nông Thị T1 trên 03 số báo liên tiếp 90, 91, 91 ra các ngày 11; ngày 16 và ngày 18 tháng 11 năm 2022. Đài tiếng nói Việt Nam nhấn tìm chị Nông Thị T1, sinh năm 1986 phát sóng các ngày 17, 18, 19 tháng 11 năm 2022. Đến nay, đã hết 04 tháng kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên nhưng việc tìm kiếm chị Nông Thị T1 không có kết quả, không có tin tức gì về chị T1. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 68 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn T yêu cầu Tòa án nhân dân N tuyên bố chị Nông Thị T1 mất tích.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nông Văn T người yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự có đơn đề nghị miễn nộp tiền lệ phí tòa án và thuộc hộ nghèo năm 2023 nên được miễn tiền lệ phí Tòa án, ông T phải chịu chi phí tố

tụng giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 39 ; khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367; Điều 370; Điều 371, Điều 372 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nông Văn T: Tuyên bố chị Nông Thị T1, sinh năm 1986; Nơi cư trú cuối cùng: thôn H, xã K, huyện N, tỉnh Bắc Kạn mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Nông Văn T được miễn tiền lệ phí tòa án.

3. Tiền chi phí tố tụng khác (tiền đăng báo, đài): ông T là người yêu cầu giải quyết việc dân sự nên ông T phải chịu 3.000.000,đ (ba triệu đồng). Xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu được quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận

- VKS huyện N;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- UBND xã K, N
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lý Thị Luân

